

Bản án số: 153/2024/HC-PT

Ngày: 25/4/2024

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính về lĩnh vực
quản lý đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Công Thi**

Các thẩm phán: Ông **Đặng Kim Nhân**

Bà **Võ Thị Ngọc Dung**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
ông **Lê Văn Thành** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 392/2023/TLPT-HC ngày 08 tháng 12 năm 2023 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 30/2023/HC-ST ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 541/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Vợ chồng ông Huỳnh Kim T, sinh năm 1955, bà Võ Thị C, sinh năm 1959; địa chỉ: thôn G, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Điều có mặt.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch UBND huyện T, Phú Yên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Văn D – Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, vắng mặt.

2. Chủ tịch UBND xã A, huyện T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn H – Phó chủ tịch UBND xã A, huyện T, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. UBND huyện T, Phú Yên, vắng mặt.

2. UBND xã A, huyện T;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn H – Phó chủ tịch UBND xã A, huyện T, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Biện Quốc H1 – Công chức địa chính – xây dựng xã A . Vắng mặt.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T. Vắng mặt.

4. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T. Vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị N (chết);

Người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bà N:

+ Ông Võ Thái H2, sinh năm 1963; địa chỉ: thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

+ Bà Võ Thị T1, sinh năm 1966; địa chỉ: thôn G, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

* *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là vợ chồng ông Huỳnh Kim T, bà Võ Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người khởi kiện vợ chồng ông Huỳnh Kim T, bà Võ Thị C trình bày:

Năm 2001, UBND xã A, huyện T xây dựng đường bê tông hóa nông thôn gắn liền với đường liên xã (*Nay là đường Đ*). Vào thời gian đó con đường đi từ thôn P đến thôn G (*Đường C đến khu vực quẹo N*) phải đi vòng sát bờ ruộng bầu dọc theo bờ rẫy của gia đình bà C, đường đi khó khăn, ngoằn ngoèo, trũng thấp; còn đường ĐT649 hiện nay là đường mới, đi băng ngang qua đất của vợ chồng ông T, bà C.

Lãnh đạo UBND xã A lúc bấy giờ là ông Đào Quốc T2 (*chủ tịch xã*), ông Nguyễn Hải B (*bí thư xã*) cử ông Đặng Ngọc T3 (*trưởng ban địa chính xã A*) và ông Trần Thanh N1 (*trưởng ban tư pháp xã An Mỹ*) trực tiếp gặp vợ chồng ông T, bà C vận động đổi đất làm đường có nội dung: *Đề nghị ông T, bà C để một đoạn đường mới chạy ngang qua đất rẫy của vợ chồng ông T, đổi lại UBND xã A giao lại cho vợ chồng ông T diện tích đất con đường cũ chạy dọc theo phía Tây bờ rẫy vợ chồng ông T*; việc đổi đất của gia đình ông T và UBND xã A chỉ thỏa thuận miệng chứ không lập thành văn bản, sau khi thỏa thuận xong UBND xã A hợp đồng với công ty G1 làm đường đổ bê tông và đưa vào sử dụng đến nay.

Trước đó, UBND xã A cũng cử ông Trần Thanh N1 và ông Đặng Ngọc T3 đến gặp gia đình ông T, bà C, xin lấy đất tại một cồn cát có diện tích 2.860m² đang trồng dương và đào; mục đích lấy đất để nâng mặt bằng trụ sở UBND xã A và đổ đất nền trước mặt UBND xã A lên đến đường sắt để phân lô bán nền và đổ cát trường học trên địa bàn xã A. Gia đình ông T vẫn đồng ý cho lấy đất cát; còn cây dương và cây đào bị trụi xuống ông T chở về bán. Việc lấy đất cát này cũng thỏa thuận bằng miệng. Việc mức đất đầm rẫy của ông T (*tại thửa 1368*) để nâng đường cơ động ĐT 649 cũng thỏa thuận bằng miệng.

Vợ chồng ông T, bà C sử dụng diện tích đất UBND xã A đã hoán đổi cho vợ chồng ông bà từ đó đến nay. Qua 4 đời chủ tịch không ai thắc mắc gì; tuy nhiên đến nay, UBND xã A hiện nay cho rằng con đường đi quẹo Núi Mây hiện nay bị vợ chồng ông T, bà C chiếm dụng. Bà C có đến UBND xã A trình bày và khiếu nại với nội dung: “*Con đường này cán bộ lãnh đạo cũ đã đổi đất cho tôi, tại sao bây giờ lại cho rằng tôi chiếm đất đường đi của xã*”. Chủ tịch UBND xã A ban hành quyết định số 67/QĐ-CT ngày 02/6/2020 giải quyết khiếu nại, không chấp nhận khiếu nại của bà C. Không đồng ý quyết định giải quyết khiếu nại (*lần đầu*), ngày 04/6/2020 bà C tiếp tục làm đơn khiếu nại gửi lên UBND huyện T yêu cầu giải quyết, Chủ tịch UBND huyện T ban hành quyết định số 3672/QĐ-CT ngày 06/8/2020 giải quyết khiếu nại (*lần 2*), không công nhận nội dung khiếu nại của bà C và giữ nguyên quyết định 67/QĐ-CT của Chủ tịch UBND xã A.

Vợ chồng ông T, bà C nhận thấy việc ban hành các quyết định giải quyết khiếu nại (*lần đầu*) của Chủ tịch UBND xã A và quyết định giải quyết khiếu nại (*lần 2*) của chủ tịch UBND huyện T là không đúng; ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng ông T, bà C. Vì ông Nguyễn Hải B bí thư UBND xã A lúc bấy giờ; ông Đào Quốc T2 Chủ tịch UBND xã A; ông Đặng Ngọc T3 trưởng ban địa chính xã A; ông Trần Thanh N1 trưởng ban Tư pháp xã An Mỹ (*nay đã chết*), đây là những người đã đổi đất cho vợ chồng ông T, bà C; qua bốn đời chủ tịch, trong đó có một chủ tịch làm hai nhiệm kỳ không ai thắc mắc gì. Việc đổi đất này là có thật 100%; đầm đất này ông nội bà C mua từ thời Pháp thuộc có văn tự đoạn mãi đất kèm theo, canh tác đến chế độ Việt Nam C (*có Giấy chứng thư kiến điền*). Đến sau này đã được cấp GCNQSDĐ (*sổ đỏ*), canh tác đầm đất này đã 3 thế hệ, không đưa vào HTX, nếu tính thế kỷ là 2 thế kỷ, tính năm thì canh tác đầm đất này gần 100 năm.

Tiền đền bù khi mở đường cơ động gia đình ông T, bà C nhận (*có hồ sơ kèm theo*). Trong hồ sơ địa chính thửa đất số 1209 tờ bản đồ số 12 năm 2012 có diện tích là 1.204,4 m² (*diện tích đó bao gồm diện tích đường đi*), loại đất trồng cây hàng năm khác, nay tại Quyết định số 3672/QĐ-CT ngày 06/8/2020 của Chủ tịch UBND huyện T xác định phần đất nêu trên do UBND xã A quản lý là không đúng.

Tại quyết định 692/QĐ – CT của UBND huyện T ngày 13/7/2005 mà có nội dung bác một phần đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị N là đòi tiền đền bù

phần đất đã làm đường mới nối đoạn cầu đá và ĐT 649. Lý do là làm đường này không có làm trên đất của bà N.

Theo quyết định của chủ tịch UBND tỉnh P nêu: Năm 2001 nhà nước mở đường liên thôn P - G trúng một phần diện tích đất khoảng 495 m² (*sát cạnh phía Bắc của 600m² đất của nhà bà N*) mà các nguyên lãnh đạo lại cho là làm đường trên đất của bà N. Tổ xác minh đã có xác minh không đúng sự thật, thực tế thửa đất này là thửa đất trống và lời xác nhận của những người cao tuổi này do UBND sắp xếp vì những người này không sống ở đó.

Theo ý kiến của ông Nguyễn Hải B và ông Đào Quốc T2 thì ông Đặng Ngọc T3 và ông Trần Thanh N1 có báo cáo lại là đã vận động đưa gia đình bà C để làm đường đi thẳng như hiện trạng bây giờ. Thời điểm đó chỉ đạo bằng miệng chứ không có một văn bản nào chứng minh việc hoán đổi đất đường đi cũ quẹo Núi Mây cho gia đình bà C. Trong khi tại buổi đối thoại giữa gia đình bà C với UBND xã ngày 05/5/2020 thì ông H – Phó chủ tịch xã, tổ trưởng tổ xác minh báo cáo là: “*Ông B và ông T2 nói có chỉ đạo ông T3 và ông N1 đi đổi đất thành công nhưng chưa có làm văn bản*”. Hiện tại thì UBND xã A và UBND huyện T lại không thừa nhận giấy xác nhận đã hoán đổi con đường cho tôi là quá vô lý và bất công cho gia đình tôi.

Phần kết luận của quyết định có nêu: “*Vì trong hai quyết định nêu trên không có ý kiến của bà C yêu cầu UBND xã A thừa nhận việc hoán đổi đất đường đi cũ*”. Vì việc hoán đổi đất đường đi đã thỏa thuận từ năm 2001, đã làm đường xong, còn hai quyết định này ban hành năm 2005 và 2006 giải quyết tranh chấp đất sản xuất giữa gia đình bà C với gia đình bà Nguyễn Thị N thì không có liên quan gì đến con đường mà bà C phải yêu cầu.

Nay ông Huỳnh Kim T, bà Võ Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 67/QĐ-CT ngày 02/6/2020 của Chủ tịch UBND xã A, huyện T về việc giải quyết khiếu nại của bà Võ Thị C, *thường trú tại* thôn G, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

- Hủy Quyết định số 3672/QĐ-CT ngày 06/8/2020 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của bà Võ Thị C, *thường trú tại* thôn G, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên (*lần 2*).

- Đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Huỳnh Kim T và bà Võ Thị C tại vị trí đất con đường đi mà UBND xã A, huyện T đã thỏa thuận đổi đất cho vợ chồng ông Huỳnh Kim T, bà Võ Thị C với diện tích 656,2m² (*Theo mảnh trích đo chính lý bản đồ địa chính số 04-2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh P đo vẽ ngày 22/3/2022*).

Người bị kiện Chủ tịch UBND xã A, huyện T trình bày:

Giữ nguyên Quyết định số 67/QĐ-CT ngày 02/6/2020 của Chủ tịch UBND xã A, huyện T về việc giải quyết khiếu nại của bà Võ Thị C, *thường trú tại* thôn G, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Vào ngày 18/11/2019 bà Võ Thị C có đơn khiếu nại nội dung Quyết Định số 144B/QĐ- KPHQ ngày 05/09/2019 của chủ tịch UBND xã A về việc xử lý vi phạm hành chính đối với bà Võ Thị C là không đúng, vì bà Võ Thị C đã cho rằng đất đường đi công cộng cũ quẹo Núi Mây do các thời kỳ lãnh đạo trước của xã A đã hoán đổi đất cho gia đình sử dụng.

Qua kiểm tra thực địa: Vị trí khu đất của bà Võ Thị C có đơn khiếu nại có tứ cận: Phía Đông giáp Đất bà Võ Thị C; Phía Tây giáp ruộng sản xuất; Phía Nam giáp đường đi liên xã, Phía Bắc giáp đất sản xuất.

Vào năm 2017, Tổ công tác UBND xã A đã tiến hành kiểm tra phát hiện bà Võ Thị C chiếm dụng đất nên đã tiến hành lập biên bản đề nghị gia đình bà Võ Thị C phải thực hiện đúng phần diện tích của gia đình bà sử dụng theo như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp số AM 121165, số vào sổ H 0027, ngày 15/12/2008, với diện tích 1.356m², loại đất trồng cây hàng năm khác. Tuy nhiên, đến ngày 30/8/2019 bà Võ Thị C tiếp tục có hành vi lấn đất đường đi công cộng cũ quẹo Núi Mây do UBND xã A quản lý và đã bị UBND xã A lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Cụ thể như sau: bà Võ Thị C đang sử dụng đất tại thửa đất số 1608, tờ bản đồ số 12 đã tiến hành trồng 22 trụ bê tông cao 1,2m và rào lưới B40 cao 1,2m, phần diện tích bà Võ Thị C lấn đường đi công cộng với diện tích khoảng 184.6m², hiện trạng trên đất bà Võ Thị C đã trồng 160 cây chuối, 05 cây dừa, 02 cây đu đủ. Hành vi của bà Võ Thị C đã vi phạm quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai được quy định tại khoản 2, Điều 10 của Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Ngày 05/9/2019, UBND xã A ban hành Quyết định số 144B/QĐ- KPHQ ngày 05/9/2019: Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc bà Võ Thị C phải khôi phục lại tình trạng của đất như trước khi vi phạm và trả lại đất đã lấn, chiếm theo nhưng đến nay bà Võ Thị C chưa chấp hành.

- Về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất: Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Võ Thị C tại thửa đất số 1608, tờ bản đồ số 12, diện tích 1,386m²; loại đất HNK (*Đất trồng cây hàng năm khác*), thời hạn sử dụng đến năm 2028, nguồn gốc đất Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 22/02/2006 của UBND tỉnh P theo số seri AM 121165, số vào sổ H 0027 do UBND huyện T đã ký ngày 15/12/2008. Văn bản thể hiện hình dạng thửa đất bà Võ Thị C có vị trí đông Tây tứ cận như sau: Phía Bắc tiếp giáp đất bao tre bà Võ Thị C và đường đi công cộng cũ quẹo N; Phía Tây tiếp giáp đường đi công cộng cũ quẹo Núi Mây con đường thể hiện rộng 6m theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Võ Thị C; Phía Nam thửa đất bà Võ Thị C tiếp giáp đường đi liên xã; Phía Đông giáp thửa đất bà Võ Thị C tiếp giáp với trục đường cơ động ven biển (nay gọi là đường ĐT 649).

- Hồ sơ địa chính:

+ Theo bản đồ 299 đo đạc năm 1993 tại vị trí thửa đất quẹo Núi Mây - đường đi công cộng cũ, tại vị trí trên khu vực này chưa thể hiện đo đạc bản đồ.

+ Theo bản đồ địa chính đo đạc năm 1997 tại vị trí thửa đất quẹo Núi Mây đường đi công cộng cũ, tại vị trí trên khu vực này chưa thể hiện đo đạc bản đồ.

+ Theo bản đồ địa chính đo đạc chỉnh lý năm 2008 tại vị trí thửa đất số 1690, tờ bản đồ số 12, diện tích 1,459m² thể hiện loại đất BCS (đất bằng chưa sử dụng).

+ Theo hồ sơ địa chính đo đạc năm 2012 tại thửa đất bà Võ Thị C sử dụng để đo đạc và thể hiện ra thành hai thửa đất 1269+1209, tờ bản đồ số 12, diện tích 1,697.1m² và 1,204.4m² loại đất BHK, thể hiện tên người sử dụng đất ông Huỳnh Kim T và bà Võ Thị C. Tuy nhiên theo hồ sơ địa chính đo đạc năm 2012 đối với hai thửa đất trên thì vị trí thửa 1209 lại thể hiện đo bao toàn bộ con đường đi cũ Quẹo Núi Mây vào thửa của bà Võ Thị C, riêng đối với thửa đất 1269, thửa đất này thể hiện phía tây giáp đường đi cũ Quẹo N. Tuy nhiên hiện trạng hiện nay bà Võ Thị C đã sử dụng hết phần diện tích đất đường đi cũ quẹo Núi Mây và bà C cho rằng phần diện tích đất này là đất của gia đình bà đã được các thời kỳ trước hoán đổi đất đường đi cho gia đình bà sử dụng. Tuy nhiên không có văn bản nào để chứng minh việc hoán đổi đất đường đi công cộng cũ quẹo Núi Mây.

Qua kết quả làm việc và xác minh những người sống lâu năm tại khu vực thôn G hoặc sống lân cận khu đất đang khiếu nại của bà Võ Thị C thuộc thôn G, xã A cho biết ý kiến như sau: *Đối với nội dung xác minh con đường đi công cộng cũ quẹo Núi M nguyên con đường này lúc trước là khá rộng tuy nhiên cho khoảng năm 2017 bà Võ Thị C đã trồng chuối và trồng các trụ bê tông làm mất hiện trạng con đường đi cũ quẹo Núi Mây hiện trạng con đường này nằm vào vị trí đất bà Võ Thị C. Đề nghị bà Võ Thị C phải hoàn trả lại con đường đi công cộng cũ quẹo Núi Mây cho UBND xã A để phục vụ đi lại để sản xuất Nông Nghiệp cho bà con nhân dân trên địa bàn xã.*

Đối với nội dung bà Võ Thị C cho rằng nguyên các lãnh đạo các thời kỳ trước đã hoán đổi đất con đường đi cũ quẹo Núi Mây cho gia đình bà và lấy đất của gia đình bà để làm con đường đi liên xã theo hiện trạng hiện nay. Sau khi tổ xác minh tiến hành xác minh các ông Nguyễn Hải B và ông Đào Quốc T2 cho biết việc UBND xã A thời kỳ đó có cho định hướng chủ trương làm con đường bê tông từ QL 1 đến trạm y tế xã A và từ trạm y tế xã A đến trục đường ĐT 649 như hiện trạng bây giờ, trong thời gian đó bà con nhân và các cụ bàn bạc nên làm con đường đi thẳng để thuận tiện cho việc đi lại, nên UBND xã A chỉ đạo ông Đặng Ngọc T3 và ông Trần Thanh N1 là cán bộ địa chính và cán bộ tư pháp xã tiến hành vận động gia đình bà C để làm con đường đi thẳng như hiện trạng hiện nay, còn việc vận động gia đình bà Võ Thị C như thế nào có hoán đổi đất hay không thì bản thân không biết.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện thì ông Đặng Ngọc T3 và ông Trần Thanh N1 có báo lại đã vận động được bà C để làm đường đi thẳng như hiện

trạng bây giờ. Tuy nhiên thời điểm đó có chỉ đạo bằng miệng chứ không có một văn bản nào để chứng minh việc hoán đổi đất đường đi cũ quẹo Núi Mây cho gia đình bà Võ Thị C2 do đó bà Võ Thị C cho rằng con đường đi cũ quẹo Núi Mây đã hoán đổi đất cho gia đình bà là không có cơ sở theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản đối thoại ngày 05/5/2020, các thành viên tham gia buổi đối thoại đều thống nhất theo nội dung Báo cáo số 01/BC-TXM, ngày 04/5/2020 của Tổ xác minh về kết quả xác minh nội dung khiếu nại. Không có phát sinh tình tiết và chứng cứ mới. Riêng bà Võ Thị C không thống nhất theo báo cáo của tổ xác minh kết luận.

Do đó, căn cứ điểm a khoản 7, Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ; căn cứ hồ sơ địa chính thửa đất bà Võ Thị C đang sử dụng UBND xã A cho rằng nội dung khiếu nại của bà Võ Thị C là không có cơ sở và không phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại Văn bản số 2198/UBND ngày 15/10/2021 của UBND huyện T (BL số 160), người bị kiện UBND huyện T trình bày:

- Qua kiểm tra thực địa: Tổng chiều dài đường đi cũ: 119,4m; chiều rộng bình quân: 5m.

- Vị trí khu đất: Phía Đông giáp: Đất bà Võ Thị C thửa số 1269, thửa số 1209; Phía Tây giáp đất sản xuất thửa đất số: 1210, 1208, 1131, 1125; Phía Nam giáp: Đường xã L; Phía Bắc giáp: Đường ĐT 649.

- Hiện trạng: đất đường đi bà Võ Thị C trồng Chuối, Măng cầu, D1, Đu đủ, Khoai mì, 22 trụ bê tông, lưới B40 dài 52cm, cao 1,7m, thời gian bà Võ Thị C trồng cây đổ đất vào năm 2017.

- Hồ sơ địa chính:

+ Theo bản đồ 299 đo đạc năm 1993, tờ bản đồ số 07, diện tích không thể hiện, loại đất đồi núi.

+ Theo bản đồ địa chính năm 1997, thửa đất số 1690, tờ bản đồ số 12, diện tích 1459m², loại đất bằng chưa sử dụng (BCS); thửa đất số 1680, tờ bản đồ số 12, diện tích 434m², loại đất trồng cây hàng năm khác (HNK), do UBND xã A quản lý.

+ Theo bản đồ chỉnh lý biến động, đo đạc năm 2012, thửa đất số 1269, tờ bản đồ số 12, diện tích 1,697m², loại đất bằng trồng cây hàng năm (BHK), chủ sử dụng là bà Võ Thị C; thửa đất số 1209, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.204,4m² (diện tích do bao diện tích đường đi), loại đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK), do UBND xã A quản lý.

- Nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Qua kiểm tra quyết định giải quyết khiếu nại của UBND huyện T năm 2005, quyết định UBND tỉnh P năm 2006 và làm việc UBND xã A, cho thấy:

Theo Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện T năm 2005:

+ Ngày 29/12/2004, bà Nguyễn Thị N có đơn khiếu nại cho rằng: bà có một diện tích thổ canh 1.500m², canh tác trước và sau ngày giải phóng cho đến nay.

+ Cuối năm 2003 và năm 2004, UBND xã A xây dựng đường đi bê tông hóa nông thôn gắn liền với đường liên xã (nay là đường ĐT 649), băng qua diện tích đất của bà N đã không bồi thường thiệt hại, phần còn lại không cấp hết cho bà N mà chỉ cấp 600m², còn lại lấy cấp cho bà Võ Thị C. Đồng thời bà N đề nghị đổi diện tích đất nông nghiệp ở Đ Súng bị ngập úng nhiều năm không canh tác được sang diện tích khác thuận lợi hơn.

+ Ngày 28/01/2005, bà Võ Thị C gửi đơn khiếu nại tranh chấp đất với bà Nguyễn Thị N về phần đất còn lại của xứ đồng Núi Mây, thôn G, xã A, nội dung: *bà C cho rằng phần đất này là của ông bà nội để lại di chúc cho cha bà và cha bà để lại cho bà sử dụng, nhưng bà Nguyễn Thị N khiếu nại đến UBND xã A đòi UBND xã A phải lấy phần đất của bà cấp cho bà N là không hợp lý và đề nghị cấp quyền sử dụng đất cho bà phần đất còn lại này.*

+ Ngày 13/7/2005, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 692/2005/QĐ-CT về việc giải quyết nội dung đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị N và bà Võ Thị C, đồng thường trú thôn G, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên, nội dung giải quyết: Nguồn gốc khu đất: Ngày 25/01/2005, Phòng T làm việc với bà Nguyễn Thị N không cung cấp được giấy tờ để chứng minh đất ông Võ Thái Á (chồng bà N) sử dụng.

+ Ngày 19/4/2005, Phòng T làm việc với bà Võ Thị C, bà C là con của ông Võ B1 cháu nội của ông Võ H3 trình bày và cung cấp chứng cứ: *Nguyên khu đất này là của ông bà nội của bà C, là ông Võ H3 và bà Lê Thị H4 mua đất của bà Phạm Thị Đ, ở ấp C, P, tổng An Vinh, phủ Tuy A vào ngày mùng 6 tháng 02 năm Bảo Đại thứ 9, có kèm theo Văn tự đoạn mai đất do Lý T4 diễn bộ P1, ký chứng thực ngày mùng 6 tháng 02 năm Bảo Đại thứ 9, có diện tích chịu thuế là 02 sào (hạng 4) với giá 12 đồng. Vị trí phía Đông giáp đất ông Trần G, phía Tây giáp đường mòn, phía Nam giáp đất Võ Kiềm, phía Bắc giáp đất ông cố Nguyễn Cần.*

+ Đồng thời bà Võ Thị Cúc cung c bản di chúc do ông Võ H3 và bà Lê Thị H4 ngày 10/11/1970, trong di chúc có ghi: phần thực của ông Võ Thái Á (chồng bà N) khoảng đất thiệt thuế 4 sào, hạng 3, địa bộ thôn P, xã A, vị trí: Đông giáp Trần C3, Tây giáp T (đường mòn cũ), Nam giáp Ngô Thị L, Bắc giáp Võ B1 (cha bà C), là phần diện tích đất 600m², được UBND huyện T giao đất theo Nghị định 64/CP cho bà N; phần thực của ông Võ B1 (cha bà C) khoảng đất thiệt thuế 3 sào rưỡi, địa bộ thôn P, xã A, vị trí: Đông giáp phần thực (đường ĐT 649), Tây giáp T (đường mòn cũ), Nam giáp Võ Thái Á, Bắc giáp T (đường quẹo cũ và hàng tre), phần đất phía bắc bà N đang tranh chấp.

Từ những chứng cứ trên, Chủ tịch UBND huyện T quyết định: Không công nhận một phần nội dung đơn khiếu nại ngày 29/12/2004 của bà Nguyễn Thị N về việc đền bù thiệt hại về đất khi nhà nước mở đường liên xã và xã lộ; không công nhận việc bà N đề nghị cấp quyền sử dụng đất của phần đất còn lại tại xứ đồng Núi Mây; công nhận nội dung đơn khiếu nại ngày 28/01/2005 của bà Võ Thị C về việc đề nghị cấp quyền sử dụng đất tại khu đang tranh chấp thuộc xứ đồng N, thôn G, xã A, diện tích đất 1.386m².

Theo Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh P năm 2006:

+ Sau năm 1975, ông Võ B1 canh tác trên đất được chia theo “*Bản di chúc ngày 10/11/1970*”. Quá trình thực hiện hợp tác hóa nông nghiệp, thửa đất này không còn màu mỡ, sản xuất kém hiệu quả nên hợp tác xã không quản lý. Năm 1978, Nhà nước mở con đường liên xã băng qua một phần thửa đất, phần diện tích còn lại ông Võ B1 sản xuất đến năm 1985 thì vượt biên ra nước ngoài để lại cho bà Võ Thị C sản xuất, nhưng việc sản xuất của bà C không liên tục. Năm 2001, Nhà nước mở con đường liên thôn P - G trúng một phần diện tích đất khoảng 495m² (sát cạnh phía Bắc của 600m² Nhà nước giao cho bà N theo Nghị định 64/CP), trong lúc mở đường UBND xã A có đến hỏi bà C lấy đất mặt của thửa đất đang tranh chấp để đắp đường, sau khi UBND xã lấy đất bà C mua lại bạch đàn và dương về trồng. Ngày 17/12/2004, bà Võ Thị T1 (con của bà N) chặt phá hết 37 cây dương và 149 cây bạch đàn (thể hiện tại biên bản lập ngày 17/12/2004).

+ Ngày 11/10/2005, Sở T6 cùng với UBND xã A tiến hành kiểm tra hiện trạng thì diện tích thửa đất đang tranh chấp là 1.447,5m², tăng 61,5m² (1447,5/1386) so với huyện đo ngày 25/01/2005, có tứ cận: Đông giáp đường liên thôn (nay là đường D), Tây giáp đường mòn cũ (đường mòn cũ có diện tích 711m²), Nam giáp đường liên thôn P - G, Bắc giáp bụi tre do bà C hiện đang quản lý khai thác. Xác định nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất của bà Võ Thị C. Chủ tịch UBND tỉnh P ban hành Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 22/02/2006 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị N, trú tại thôn G, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên, nội dung: *Không công nhận nội dung đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị N về việc khiếu nại nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại số 692/QĐ-CT ngày 13/7/2005 của Chủ tịch UBND huyện T. Công nhận Quyết định số 692/QĐ-CT ngày 13/7/2005 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị N là có cơ sở pháp luật.*

- Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Ngày 25/8/2008, ông Huỳnh Kim T và bà Võ Thị C làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 121165, thửa số 1608, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.386m², loại đất trồng cây hàng năm khác (HNK), nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 22/02/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh P, ký cấp ngày 15/12/2008 cho ông Huỳnh Kim T và bà Võ Thị C sử dụng.

- Đối với việc giải quyết khiếu nại của UBND xã A:

Theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2012, thửa đất bà Võ Thị C sử dụng hai thửa đất 1269+1209, tờ bản đồ số 12, diện tích 1697,1m² và 1.204,4m², loại đất BHK, thể hiện tên người sử dụng đất ông Huỳnh Kim T và bà Võ Thị C, tại vị trí thửa đất 1209, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.204,4m² (diện tích đo bao toàn bộ con đường đi cũ quẹo Núi Mây vào thửa đất bà Võ Thị C), riêng đối với thửa đất 1269 thể hiện phía Tây tiếp giáp đường đi cũ quẹo Núi Mây, theo hiện trạng hiện nay bà Võ Thị C đã sử dụng hết phần diện tích đất đường đi cũ quẹo Núi Mây và bà C cho rằng phần diện tích đất này là đất của gia đình bà đã được các lãnh đạo UBND xã A thời kỳ trước hoán đổi đất đường đi cho gia đình bà sử dụng. Tuy nhiên không có văn bản nào để chứng minh việc hoán đổi đất đường đi công cộng cũ quẹo Núi Mây.

Qua kết quả làm việc và xác minh những người sống lâu năm tại khu vực thôn G hoặc sống lân cận khu đất đang khiếu nại của bà Võ Thị C thuộc thôn G, xã A cho biết ý kiến như sau: *Con đường đi công cộng cũ quẹo N, đường này lúc trước là khá rộng, tuy nhiên cho khoảng năm 2017, bà Võ Thị C đã trồng chuối và trồng các trụ bê tông làm mất hiện trạng con đường đi cũ quẹo Núi Mây, hiện trạng con đường này nằm sát vị trí đất bà Võ Thị C đang sử dụng. Đề nghị bà Võ Thị C phải hoàn trả lại con đường đi công cộng cũ quẹo Núi Mây cho UBND xã A để phục vụ đi lại sản xuất nông nghiệp cho bà con nhân dân trên địa bàn xã.* Đối với nội dung bà Võ Thị C cho rằng nguyên các lãnh đạo UBND xã A thời kỳ trước đã hoán đổi đất con đường đi cũ quẹo Núi Mây cho gia đình bà và lấy đất của gia đình bà để làm con đường đi liên xã theo hiện trạng hiện nay (đường Đ). Sau khi tiến hành làm việc các ông Nguyễn Hải B và ông Đào Quốc T2 cho biết: *việc UBND xã A thời kỳ đó có chủ trương làm con đường bê tông từ Quốc lộ A đến Trạm y tế xã A và từ Trạm y tế xã A đến trục đường ĐT 649, trong thời gian đó bà con nhân dân và các cụ bàn bạc nên làm con đường đi thẳng để thuận tiện cho việc đi lại nên UBND xã A chỉ đạo ông Đặng Ngọc T3 và ông Trần Thanh N1 là cán bộ địa chính và cán bộ tư pháp xã đến vận động gia đình bà C để làm con đường đi thẳng như hiện trạng hiện nay, còn việc vận động gia đình bà Võ Thị C như thế nào, có hoán đổi đất hay không thì bản thân không biết. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện thì ông Đặng Ngọc T3 và ông Trần Thanh N1 có báo lại đã vận động được bà C để làm đường đi thẳng như hiện trạng bây giờ, thời điểm đó có chỉ đạo bằng miệng chứ không có một văn bản nào để chứng minh việc hoán đổi đất đường đi cũ quẹo Núi Mây cho gia đình bà Võ Thị C. Do đó bà Võ Thị C cho rằng con đường đi cũ quẹo Núi Mây đã hoán đổi đất cho gia đình bà là không có cơ sở.*

Theo giấy xác nhận ngày 23/12/2017 của ông Đặng Ngọc T3 trình bày: *việc ông được ông Đào Quốc T2 - Chủ tịch UBND xã và ông Nguyễn Hải B - Bí thư đảng ủy giao làm việc trực tiếp với bà Võ Thị C, động viên bà C đổi đất rẫy để làm đường đi thẳng từ thôn P qua thôn G (đường Đ hiện nay), hoán đổi con đường cũ cho bà C sử dụng, nhưng không làm giấy tờ hoán đổi, có chữ ký xác nhận của ông Nguyễn Hải B và ông Đào Quốc T2 ký ngày 03/01/2018. Nhưng ngày 18/5/2018, ngày 24/5/2018 và ngày 30/5/2018, ông Đào Quốc T2, ông Đặng Ngọc T3, ông Nguyễn Hải B thừa nhận ký xác nhận vào giấy ông Đặng*

Ngọc T3 là sai xin rút lại chữ ký, còn đối với ông Đặng Ngọc T3 thì xin rút lại giấy xác nhận ngày 23/12/2017.

Ngày 14/7/2020, Tổ xác minh mời Thường trực Đảng ủy Thường trực HĐND xã, đại diện UB Mặt trận TQVN xã, Chủ tịch UBND xã, Công chức địa chính, Công chức tư pháp, đại diện Ban nhân thôn G, đại diện cụ lão và các đồng chí lãnh đạo UBND tham gia công tác từ năm 2000 đến năm 2015.

Tại buổi lấy ý kiến, các cụ lão có mặt đều cho rằng con đường đi cũ quẹo Núi Mây có thời kỳ Pháp thuộc, con đường đi rộng khoảng 05m đến 06m, chạy quanh phía Đông giáp đất bà C đang sử dụng, đề nghị mở đường cho nhân dân đi lại sản xuất. Theo ý kiến nguyên các đồng chí lãnh đạo UBND xã A, việc vận động mở đường đi thẳng từ thôn P qua thôn G (đường Đ hiện nay), lúc này bà Nguyễn Thị N đang làm nên chỉ đến vận động bà N cho đất để mở đường đi, không có vận động bà C, đến năm 2005 tranh chấp đất xảy ra sau này Nhà nước căn cứ vào các giấy tờ chứng minh, UBND tỉnh P có quyết định công nhận quyền sử dụng đất cho bà C, việc hoán đổi đất đường đi là không có cơ sở. Đối với ý kiến ông Nguyễn H5 Bình nguyên Bí thư Đảng ủy chỉ đạo vận động còn việc hoán đổi thì không rõ, ý kiến ông Đào Quốc T2 giao vận động còn việc hoán đổi đất tính sau.

Do đó, căn cứ khoản 2, Điều 8 Luật Đất đai năm 2013 quy định: Căn cứ khoản 2, Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ; điểm a khoản 07, Điều 14 của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ; Căn cứ Quyết định số 692/2005/QĐ-CT ngày 13/7/2005 của Chủ tịch UBND huyện T; Căn cứ Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 22/02/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh P; Căn cứ hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Huỳnh Kim T và bà Võ Thị C đề ngày 25/8/2008, giữ nguyên Quyết định số 67/QĐ-CT ngày 02/6/2020 của Chủ tịch UBND xã A; không công nhận đất đường đi công cộng cũ quẹo Núi Mây được lãnh đạo UBND xã A năm 2001 đã hoán đổi đất để làm đường đi (đoạn đầu nối đường ĐT 649), thuộc gia đình bà C vì không có cơ sở và không phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những cơ sở nêu trên, UBND huyện T giữ nguyên Quyết định số 3672/QĐ-CT ngày 06/8/2020 về việc giải quyết khiếu nại của bà Võ Thị C2, thường trú thôn G, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Phòng Tài nguyên và môi trường huyện T: Thống nhất ý kiến trình bày của Chủ tịch UBND huyện T.

- Tại Văn bản số 81/TTPTQĐ ngày 15/6/2022 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T (BL số 195), trình bày:

Qua kiểm tra, rà soát hồ sơ thì Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T không thực hiện công tác thu hồi, bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đường cơ động ven biển A - A (năm 2004-2005), đoạn qua xã A,

huyện T, do đó không có Bản đồ đo đạc và hồ sơ kỹ thuật các thửa đất 123, 488, 551, 552, 554, 555 để cung cấp theo yêu cầu của Tòa án.

- Bà Võ Thị T1 và ông Võ Thái H2 thống nhất trình bày:

Mẹ chúng tôi là bà N có canh tác một diện tích (chúng tôi không rõ diện tích bao nhiêu) từ trước năm giải phóng (1975) tại Thôn G, xã A: có tứ cận như sau: Phía bắc, đông, tây đều giáp đường đi, phía nam giáp đất rẫy bà Nguyễn Thị K. Khi nhà nước mở đường thì cắt ngang qua đất của bà N, chia đất của bà N thành 02 phần. Khi nhà nước có ý định mở đường thì ông Đào Quốc T2 – Chủ tịch xã A lúc bấy giờ, bà Dương Thị L1 – Phó chủ tịch mặt trận xã A lúc bấy giờ có đến gặp bà N để vận động bà N cho đất mở đường đi. Bà N đồng ý cho UBND xã A phần đất mở con đường đi này. Sau khi có con đường mới này thì phần đất còn lại gồm 600m² (nằm phía nam đường đi) gia đình bà N đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Hải B và bà Nguyễn Thị L2 vào ngày 20/01/2010; còn phần đất còn lại phía bên kia đường (phía Bắc) gia đình tôi tiếp tục có tranh chấp, khiếu nại nhưng đến nay vẫn chưa có cơ quan nào giải quyết.

Thời điểm mẹ chúng tôi là bà N tranh chấp quyền sử dụng đất với bà C thì UBND huyện T đã giải quyết theo Quyết định số 692/2005/QĐ-CT ngày 13/7/2005 của Chủ tịch UBND huyện T; sau đó là Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 22/02/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh P. Không đồng ý với nội dung của 02 quyết định này. Bà N không khởi kiện tại Tòa án mà tiếp tục có đơn khiếu nại gửi Thanh tra Chính phủ để xem xét giải quyết và đã nhận được thông báo số 386/TTCP-V6 ngày 05/3/2007 của Thanh tra chính phủ có nội dung sẽ xem xét khiếu nại của gia đình bà N. Năm 2011, bà N chết nhưng gia đình bà N vẫn chưa nhận được kết quả giải quyết khiếu nại này.

Chúng tôi không thống nhất yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông T, bà C vì nguồn gốc con đường đi này chúng tôi khẳng định là của bà N chứ không phải của bà C. Sau đó bà N mới hiến 1 phần đất cho nhà nước mở đường. Việc bà C cho rằng đất này là đất của gia đình bà là không có cơ sở. Hiện phần đất mở con đường đi này chúng tôi cũng thống nhất hiến cho nhà nước, không có yêu cầu gì khác. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông T và bà C.

- **Những người làm chứng ông** Nguyễn Hải B, **ông** Đặng Ngọc T3, **ông** Đào Quốc T2 **trình bày có nội dung:**

Thời điểm năm 2001, ông T2 làm chủ tịch UBND xã A, ông B làm bí thư Đảng ủy xã A, ông T3 làm cán bộ địa chính có vận động bà Võ Thị C đổi đất để làm đường đi công cộng cho thuận tiện; đổi lại bà C được sử dụng đường đi cũ dọc theo bờ ruộng rẫy của bà C, khi đó không có bồi thường tiền cho bà C mà hai bên thỏa thuận đổi ngang. Sau này, UBND xã A có mời các ông lên làm việc về vấn đề này thì các ông vẫn khẳng định lại nội dung nêu trên nhưng về thủ tục xác nhận không đúng quy định của pháp luật nên các ông mới trình bày rút lại xác nhận, và vẫn giữ nguyên nội dung đã trình bày về việc có đổi đất với bà C.

- Những người làm chứng: ông Nguyễn Hữu P, ông Nguyễn Hồng C4, ông Nguyễn Văn T5, bà Đào Thị H6, bà Đoàn Thị H7, bà Trương Thị D2 **trình bày có nội dung:**

Phần đất mở đường tại thôn G, xã A (đoạn từ trụ công đi thẳng gặp đường cơ động DT649) là đi bằng ngang qua đất của ông Võ H3 canh tác, sau đó cho ông Võ B1 (con ông H3) canh tác, sau này là bà C (con ông B1) canh tác đến nay. Về nguồn gốc thửa đất này như thế nào họ không nắm rõ, họ chỉ biết sự việc là thấy ông H3, ông B1, bà C canh tác trên thửa đất có đường mới bằng ngang qua. Lúc trước khi mở đường liên thôn thì người dân đi con đường cũ Quẹo N, là đường đất giao nhau với đường DT649; từ khi có con đường liên thôn mới thì đường cũ Quẹo N không ai đi nữa.

Từ những nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 30/2023/HC-ST ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Áp dụng các Điều 30, 32, 116, 158, điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 348 và 358 Luật tổ tụng hành chính; Điều 27 của Luật Đất đai năm 1993; Điều 66, 67, 68, 69, 74, 75, 100, 101, 166, 168, 100 Luật đất đai năm 2013; Điều 3, 5 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ; Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTWQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- *Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện vợ chồng ông Huỳnh Kim T và bà Võ Thị C đối với yêu cầu:*

+ *Hủy Quyết định số 67/QĐ-CT ngày 02/6/2020 của Chủ tịch UBND xã A, huyện T về việc giải quyết khiếu nại của bà Võ Thị C, thường trú tại thôn G, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.*

+ *Hủy Quyết định số 3672/QĐ-CT ngày 06/8/2020 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của bà Võ Thị C, thường trú tại thôn G, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên (lần 2).*

+ *Buộc UBND huyện T, tỉnh Phú Yên thực hiện thủ tục thu hồi, bồi thường hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đối với hộ ông Huỳnh Kim T và bà Võ Thị C đối với phần diện tích thu hồi để mở đường DT649, (đoạn từ trụ cổng chào đi thẳng gặp đường cơ động) tại thôn G, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên theo quy định của pháp luật.*

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện vợ chồng ông Huỳnh Kim T và bà Võ Thị C đối với yêu cầu: đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Huỳnh Kim T và bà Võ Thị C tại vị trí thửa đất con đường đi mà UBND xã A đã thỏa thuận đổi đất cho vợ chồng ông Huỳnh Kim T, bà Võ Thị C, diện tích 656,2m² (Theo mảnh trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính số 04-2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh P đo vẽ ngày 22/3/2022). Vì không có căn cứ pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí; chi phí tố tụng và tuyên bố quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/7/2023, người khởi kiện vợ chồng ông Huỳnh Kim T, bà Võ Thị C kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm, tại các đơn kháng cáo, kháng cáo bổ sung và tại phiên tòa phúc thẩm, ông T, bà C trình bày, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định sự kiện đổi đất giữa gia đình ông với UBND xã A nhưng không công nhận quyền sử dụng diện tích đất đã đổi cho gia đình ông là chưa đúng pháp luật, vợ chồng ông T, bà C không có yêu cầu bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất mà UBND xã A đã đổi cho vợ chồng bà C vào năm 2001, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm công nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất mà UBND xã A đã đổi cho gia đình ông T, bà C vào năm 2001, buộc UBND xã A và UBND huyện T, tỉnh Phú Yên cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất đã đổi theo hiện trạng đã được đo vẽ có diện tích 656,2m² (*Theo mảnh trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính số 04-2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh P đo vẽ ngày 22/3/2022*). Đồng thời ông T, bà C yêu cầu hủy Quyết định số 144B/QĐ- KPHQ ngày 05/09/2019 của chủ tịch UBND xã A về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T, bà C giữ nguyên kháng cáo.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về vụ án như sau:

- Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Huỳnh Kim T, bà Võ Thị C giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xem xét kháng cáo của ông Huỳnh Kim T, bà Võ Thị C, Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng đối tượng, thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện, giải quyết vụ án hành chính theo quy định tại Điều 3; Điều 32 và Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Trong quá trình khởi kiện ông T, bà C có yêu cầu người bị kiện thực hiện hành vi hành chính nhưng tại Bản án sơ thẩm có xem xét, nhưng xác định đối tượng khởi kiện bị thiếu nên Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại đối tượng khởi kiện như sau: “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*”

[1.2]. Kháng cáo của ông Huỳnh Kim T, bà Võ Thị C là hợp lệ và trong thời hạn luật định.

[1.3]. Đây là phiên tòa phúc thẩm mở lần thứ hai, người bị kiện chủ tịch UBND huyện T, chủ tịch UBND xã A có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt; một số người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không thuộc trường hợp hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 232, Luật tố tụng hành chính, do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Xem xét nguồn gốc phần diện tích đất 656,2m² và quá trình sử dụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại Bản án sơ thẩm đã xác định nguồn gốc phần diện tích đất 656,2m² có nguồn gốc là diện tích con đường cũ đi Quẹo N, có kích thước, vị trí hiện trạng: Dài 119,4m, chiều rộng bình quân: 5m; phía Đông giáp các thửa đất số 1269, thửa số 1209 của bà Võ Thị C; phía Tây giáp các thửa đất số: 1210, 1208, 1131, 1125; Phía Nam giáp đường X; phía Bắc giáp đường ĐT 649; hiện do gia đình bà C canh tác, sử dụng, trên đất bà Võ Thị C trồng Chuối, Măng cầu, D1, Đu đủ, Khoai mì, 22 trụ bê tông, lưới B40 dài 52cm, cao 1,7m. Theo hồ sơ địa chính lưu trữ, thửa đất chưa thể hiện trên bản đồ đo đạc theo Chỉ thị 299/Ttg cũng như bản đồ đo đạc theo Nghị định 64/CP, theo bản đồ địa chính đo đạc chính lý năm 2008 nằm trong thửa đất số 1690, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.459m², loại đất BCS (*đất bằng chưa sử dụng*); theo bản đồ chính lý biến động, đo đạc năm 2012, thì phần diện tích 656,2m² nằm trong các thửa đất số 1269+1209, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.697m², loại đất bằng trồng cây hàng năm (BHK), xác định chủ sử dụng là bà Võ Thị C (*Bút lục 235, 236*). Diện tích đất này năm 2001, UBND xã A đã đổi cho ông T, bà C, lấy 369,3 m² để mở đường đi ngang qua thửa đất của ông T, bà C.

Tại Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã xác định sự kiện đổi đất giữa UBND xã A với ông T, bà C vào năm 2001, đồng thời chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T, bà C, hủy các Quyết định số 67/QĐ-CT ngày 02/6/2020 của Chủ tịch UBND xã A và Quyết định số 3672/QĐ-CT ngày 06/8/2020 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của bà Võ Thị C, sau khi xét xử sơ thẩm, UBND xã A và UBND huyện T; ông T, bà C, những người liên quan khác cũng như Viện kiểm sát đều không kháng cáo, kháng nghị nội dung nói trên, nên phần quyết định nêu trên đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Vì thế, có cơ sở xác định phần diện tích 656,2m² vốn là phần đất con đường cũ đi Quẹo N mà UBND xã A đã thỏa thuận đổi cho ông T, bà C vào năm 2001, để lấy một phần đất thuộc quyền sử dụng của ông T, bà C để mở đường công cộng. Ông T, bà C đã sử dụng phần đất đã đổi và được chính lý tại hồ sơ địa chính đo đạc năm 2012, phần đất được đo đạc và thể hiện tại hai thửa đất 1269+1209, tờ bản đồ số 12, diện tích 1,697.1m² và 1,204.4m² loại đất BHK, tên người sử dụng đất ông Huỳnh Kim T và bà Võ Thị C, Như vậy, phần diện tích 656,2m² nói trên có đủ điều kiện chính lý, để cấp Giấy CNQSDĐ cho ông T, bà C theo quy định tại các Điều 98; Điều 99 và Điều 100 Luật đất đai năm 2013.

[2.2]. Trong quá trình khởi kiện, ông T, bà C chỉ yêu cầu khởi kiện 03 nội dung, gồm: Yêu cầu hủy Quyết định số 67/QĐ-CT ngày 02/6/2020 của Chủ tịch UBND xã A; hủy Quyết định số 3672/QĐ-CT ngày 06/8/2020 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của bà Võ Thị C và yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 656,2m² tại vị trí thửa đất con đường đi mà UBND xã A đã thỏa thuận đổi đất với vợ chồng ông Huỳnh Kim T, bà Võ Thị C cho vợ chồng ông T và bà C, không có yêu cầu buộc UBND huyện T, tỉnh Phú Yên thực hiện thủ tục thu hồi, bồi thường hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đối với diện tích nói trên cho hộ ông T và bà C, nhưng tại Bản án sơ thẩm đã “*Buộc UBND huyện T, tỉnh Phú Yên thực hiện thủ tục thu hồi, bồi thường hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đối với hộ ông Huỳnh Kim T và bà Võ Thị C đối với phần diện tích thu hồi để mở đường DT649, (đoạn từ trụ cổng chào đi thẳng gặp đường cơ động) tại thôn G, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên*” là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, tuy nhiên, do có kháng cáo liên quan nội dung này nên Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại Bản án sơ thẩm, bỏ nội dung nêu trên tại phần Quyết định của Bản án sơ thẩm.

[2.3]. Xem xét kháng cáo của ông T, bà C về việc yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Huỳnh Kim T và bà Võ Thị C tại vị trí thửa đất con đường đi mà UBND xã A đã thỏa thuận đổi đất cho vợ chồng ông Huỳnh Kim T, bà Võ Thị C, diện tích 656,2m² vào năm 2001. Xét thấy, đây là vụ án hành chính, thẩm quyền của Hội đồng xét xử được quy định tại Điều 193 Luật tổ tụng hành chính nên không có thẩm quyền, trách nhiệm công nhận quyền sử dụng đất, tại Bản án hành chính sơ thẩm đã bác yêu cầu nói trên của ông T, bà C là đúng. Tuy nhiên, theo như nội dung tại Bản án sơ thẩm đã xác định và nhận định tại mục [2.1] nêu trên thì quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, bà C bị ảnh hưởng, không phù hợp với nhận định và quyết định của Bản án sơ thẩm, do đó, cần xác định ông T, bà C có quyền liên hệ với UBND huyện T, UBND xã A và các cơ quan có thẩm quyền liên quan để thực hiện các thủ tục hành chính, xin cấp Giấy CNQSDĐ theo quy định của pháp luật về đất đai nhằm đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T, bà C.

[2.4]. Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 144B/QĐ- KPHQ ngày 05/09/2019 của Chủ tịch UBND xã A về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi ban hành Quyết định số 144B/QĐ- KPHQ nêu trên thì vào ngày 18/11/2019 bà Võ Thị C đã có đơn khiếu nại, nên Quyết định số 144B/QĐ- KPHQ nêu trên chưa có hiệu lực pháp luật, quá trình giải quyết khiếu nại, Chủ tịch UBND xã A ban hành Quyết định số 67/QĐ-CT ngày 02/6/2020 của Chủ tịch UBND xã A, huyện T về việc không chấp nhận khiếu nại của bà Võ Thị C, sau đó, bà C tiếp tục khiếu nại lần 02, tại Quyết định số 3672/QĐ-CT ngày 06/8/2020 của Chủ tịch UBND huyện T tiếp tục không chấp nhận khiếu nại của bà Võ Thị C, bà C đã khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các quyết định giải quyết khiếu nại nói trên, tại Bản án sơ thẩm đã hủy toàn bộ các Quyết định số 67/QĐ-CT và Quyết định số 3672/QĐ-CT. Như vậy, Quyết định số 144B/QĐ- KPHQ ngày 05/09/2019 của chủ tịch UBND xã A về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Võ Thị C là quyết định hành chính có

liên quan, do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu hủy quyết định số 144B/QĐ- KPHQ

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông T, bà C, sửa một phần Bản án sơ thẩm liên quan đến nội dung ông Huỳnh Kim T và bà Võ Thị C kháng cáo.

[3]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo, ông Huỳnh Kim T và bà Võ Thị C không phải chịu án phí.

[4]. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm; chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc, không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Huỳnh Kim T và bà Võ Thị C, sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 30/2023/HC-ST ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

1. Áp dụng Điều 27; Điều 73 của Luật Đất đai năm 1993; Các Điều 699; 700; 701; 702 Bộ luật dân sự năm 1995; Các Điều 66, 67, 68, 69, 74, 75, 100, 101, 166, 168, 100 Luật đất đai năm 2013; Các Điều 1(khoản 2); Điều 3; Điều 5 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ;

2/. Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Kim T và bà Võ Thị C:

+ Hủy Quyết định số 67/QĐ-CT ngày 02/6/2020 của Chủ tịch UBND xã A, huyện T về việc giải quyết khiếu nại của bà Võ Thị C, thường trú tại thôn G, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên (lần 1).

+ Hủy Quyết định số 3672/QĐ-CT ngày 06/8/2020 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của bà Võ Thị C, thường trú tại thôn G, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên (lần 2).

+ Hủy Quyết định số 144B/QĐ- KPHQ ngày 05/09/2019 của Chủ tịch UBND xã A về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Võ Thị C.

+ Ông Huỳnh Kim T, bà Võ Thị C có quyền liên hệ với UBND xã A; UBND huyện T và các cơ quan có thẩm quyền liên quan để thực hiện các thủ tục hành chính, xin cấp Giấy CNQSDĐ đối với diện tích đất 656,2m², theo quy định của pháp luật về đất đai. *(Kèm theo mảnh trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính số 04-2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh P đo vẽ ngày 22/3/2022)*

3/. Về án phí hành chính phúc thẩm: Áp dụng Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, ông Huỳnh Kim T, bà Võ Thị C không phải chịu án phí.

4/. Các Quyết định của Bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm; chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc, không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Thi